TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lẹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Lê Kim Lịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mai P, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, ấp AP, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; trú tại: Số B, ấp AP, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1960; Số B, ấp AP, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bùi Thị Mai P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh T quen biết và tổ chức đám cưới vào năm 2006, đến ngày 29 tháng 6 năm 2007 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Chị P và anh T chung sống đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau, anh T thường hay uống

rượu về nhà trễ, từ đó mâu thuẫn xảy ra cùng trầm trọng nên đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 29/11/2007 hiện đang sống với anh T và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014 hiện đang sống với chị P.

Khi ly hôn, chị P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Minh Đ, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị P đồng ý cho anh T trực tiếp nuôi con chung tên Mai Q, chị P không cấp dưỡng.

Về tài chia tài sản: Vợ chồng có 11 chỉ vàng 24kara là vàng cưới hiện bà Trần Thị Thu T mượn. Tại phiên tòa chị P rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản đối với 11 chỉ vàng cưới này.

Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh T quen biết và tổ chức đám cưới vào năm 2006, đến ngày 29 tháng 6 năm 2007 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Chị P và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có lần anh T đi làm có uống rượu khi về đến nhà thì chị P cự cãi không hài lòng dẫn đến xô xác nhau, P có lần đạp xe anh T ngã, đánh bạc tay vào miệng anh T, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay, anh T có đến nhà P thăm con nhưng P không có đến nhà anh T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 29/11/2007 hiện đang sống với anh T và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014 hiện đang sống với chị P. Nếu Tòa án chấp nhận cho P ly hôn thì anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Mai Q không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Anh T đồng ý cho chị P trực tiếp nuôi con chung tên Minh Đ, anh T không cấp dưỡng.

Về tài chia tài sản: Vợ chồng có 11 chỉ vàng 24kara là vàng cưới hiện bà Trần Thị Thu T mượn. Tòa án đã gửi Thông báo cho anh T có yêu cầu gì về phần tài sản này không nếu có yêu cầu thì làm đơn và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn không thực hiện.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P ly hôn với anh T, giao con chung tên Nguyễn Minh Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Thị Mai Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản và nợ: Chị P và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng: Chị Bùi Thị Mai P xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với anh Nguyễn Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên xét xử vắng mặt anh T và bà T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị P và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, đã tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình sống chung chị P và anh T có xảy ra cãi nhau, xô xác, chị P đạp xe đánh anh T, đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh T và chị P không tìm được giải pháp để hàn gắn đoàn tụ. Chị P đã 01 lần nộp đơn xin ly hôn nhưng rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vào tháng 11/2018, anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra giải pháp để hàn gắn đoàn tụ.

Xét thấy, sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng chị P và anh T đã không làm được điều đó, không cùng nhau giải quyết được mâu thuẫn trong cuộc sống, dẫn đến cải nhau và ly thân đến nay vẫn không hàn gắn được. Vì vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị P và anh T.

[3] Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 29/11/2007 hiện đang sống với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Mai Q không yêu cầu chị P cấp dưỡng, chị P thống nhất giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Q muốn sống với anh T nên việc giao Mai Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014 hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Đ, anh T cũng đồng ý giao cháu Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao cháu Minh Đ cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp.

. [4] Về chia tài sản: Tại phiên tòa chị P rút yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của chị P.

[5] Về nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Mai P. Chị Bùi Thị Mai P được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 29/11/2007 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Bùi Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Sau khi ly hôn, chị P và anh T cùng các thành viên gia đình chị P và anh T không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Mai Q và Nguyễn Minh Đ.

3. Về chia tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Bùi Thị Mai P về việc yêu cầu chia đôi 11 chỉ vàng 24 kara (loại 9999).

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 806.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo Biên lai số BH/2018/0002760 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, chị P được nhận lại 506.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Đương sự Bùi Thị Mai P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh T, bà Trần Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lẹ